

Bài 5

LÀM CHỦ THỜI, KHÔNG.

Một buổi tối mùa xuân Quý Hợi (1983), Saigon oi bức vì dư âm của cơn nắng ban chiều. Lại không có điện. Trước một căn nhà đường Nguyễn Tri Phương Chợ Lớn, hai người đàn ông, một đã đứng tuổi, một còn thanh niên đang ngồi trò chuyện, nhờ vào quạt gió, đèn trắng. Người đàn ông đứng tuổi tỏ ra lịch duyệt, hiểu rộng, biết nhiều. Còn người thanh niên thì chất phác, quê mùa.

Hai người ấy là chú, cháu. Người chú trước đây là sỹ quan cấp tá trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Ông ta mới đi cải tạo về, sau hơn bảy năm lao động khổ sai tại các trại cải tạo miền Bắc. Trước 1975 người chú này đã đi dự nhiều khóa huấn luyện tại ngoại quốc, và chức vụ nắm giữ trong quân đội còn cho phép ông ta có mặt trong những chuyến du hành nghiên cứu tại nước này, nước nọ. Do đó ông ta đã tận mắt chứng kiến khung cảnh và trình độ tiến bộ của xứ người.

Còn người cháu thì sinh ra và lớn lên trong một làng quê vùng đồng bằng Bắc Việt. Vì là dòng dõi

địa chủ, nên người thanh niên ấy đã không được "Bác và Đảng" chiếu cố, nâng đỡ. Nhỏ thì học hành chẳng đâu vào đâu, lớn lên chỉ cho tham gia những công tác lật vật trong thôn xã nên chẳng có dịp nào ra khỏi lũy tre xanh. Anh ta biết có ông chú di cư vào Nam năm 1954 qua lời trăn trối của cha, nhưng chẳng biết làm sao tìm gặp. Sau khi ra tù, người chú có viết thư về làng cũ thăm thân nhân họ hàng. Biết được địa chỉ của chú ở Saigon ghi trên lá thư, người thanh niên ấy mới ra sức thu xếp một chuyến đi Nam trước là để thăm gặp chú và gia đình, sau là được biết người, biết cảnh của Saigon hoa lệ mà anh ta hằng ước ao từ khi được nghe những người đi về ca tụng hết lời.

Đã mấy ngày liên tiếp, đáp ứng nguyện vọng của cháu, người chú đã bỏ thời giờ dẫn người thanh niên ấy lên Saigon và giới thiệu những khu thương mại, thương xá, bến cảng, chợ Bến Thành, Sở Thú, những ca ốc, những dinh thự như Trụ Sở Quốc Hội, Dinh Độc Lập, Tòa Đô Chánh, Thư Viện Quốc Gia, Pháp Đình, Trường Đại Học, Ngân Hàng Quốc Gia v.v... để cho người cháu có được cái nhìn bao quát về một thành phố mà trước 1975 vừa là trung tâm văn hóa, giáo dục, chính trị, kinh tế, tài chánh, vừa là thủ đô của Việt Nam Cộng Hòa.

Tối hôm ấy hai chú cháu ngồi trò chuyện, trao đổi với nhau. Người cháu trước hết cảm ơn ông chú đã bỏ thì giờ đưa anh ta đi đó, đi đây và sau là nói lên cảm tưởng, nhận xét của anh ta về những gì đã tận mắt chứng kiến.

Người cháu nói:

Thưa chú, cháu hoàn toàn toại nguyện vì đã được chú đưa lên Saigon thăm viếng nơi này, chốn nọ. Cháu xin đa tạ chú về lòng thương mến chú đã dành cho. Thưa chú, quả là người ta nói không sai. Saigon đích thực là hòn ngọc Viễn Đông. Cháu thấy mọi thứ ở thành phố này đều vô cùng vĩ đại và tuyệt hảo. Đặt chân đến thành phố này cháu có cảm tưởng như lạc vào một cảnh thần tiên tuyệt diệu. Với những tiện nghi, tiện ích hiện đại như thế thì có lẽ Saigon đã đạt tới đỉnh cao của nền văn minh nhân loại rồi phải không thưa chú? Cháu có ý định là sẽ ra sức lao động sản xuất, chắt chiu, dành dụm tiền bạc làm lộ phí để hàng năm cháu sẽ vào Saigon một chuyến, trước thăm chú thím và gia đình, sau viếng nơi phồn hoa đô hội bậc nhất này.

Người chú đáp:

Không phải như cháu nghĩ đâu, cháu ạ. Saigon của ta là một thành phố lạc hậu, lỗi thời về mọi phương diện. Đường xá thì nhỏ hẹp. Các tiện nghi,

tiện ích thì thiếu thốn, cổ lỗ. Bến cảng, phi trường thì không đáp ứng được nhu cầu. Chuyên chở công cộng thì yếu kém. Điện, nước không đủ. Lưới phân phối điện, hệ thống dẫn nước lại quá cũ, nay hư, mai hỏng. Môi sinh thì ô nhiễm nặng nề. Nếu nước ta có một nền kinh tế phát triển mạnh và nhất là một nền kinh tế thị trường thì thành phố này phải phế bỏ vì không còn thích hợp nữa. Trước đây chế độ cũ đã có dự định xây cất một thành phố mới, hiện đại, ở ngoại ô cho phù hợp với nhu cầu phát triển. Còn Saigon hiện nay chỉ được lưu giữ lại như một thành phố cổ, như vang bóng một thời mà thôi.

Rõ ràng vì kiến thức và kinh nghiệm khác nhau nên hai chú, cháu đã không thể suy nghĩ giống nhau. Cái mà người cháu cho là vĩ đại, tuyệt hảo, hiện đại, thì với người chú lại là nhỏ bé, tầm thường, lạc hậu. Cái mà người cháu ước ao, trân trọng thì người chú lại xem thường, coi khinh.

Người cháu sinh ra và lớn lên nơi thôn dã nên trong ký ức anh ta chỉ có những hình ảnh đồng quê với đèn dầu, nước giếng; với nhà cửa phân đông là mái rạ, vách đất đơn sơ, nhỏ bé; với những con đường đất, nắng bụi, mưa lầy; với ngôi trường tiểu học cỏn con; với cái chợ dăm ba quán gió lèo tèo. Những hình ảnh to tát nhất trong ký ức anh ta cũng chỉ là hai ngôi đình, chùa của làng mà thôi, hai

kiến trúc cổ kính nấp bóng khiêm nhường dưới tàn cây cổ thụ.

Về phần người chú thì ông ta đã từng đặt chân đến các nước có nền văn minh khoa học kỹ thuật bậc nhất, nên trong ký ức ông ta đầy đầy những hình ảnh to tát, tốt đẹp của các quốc gia này.

Người cháu với kiến thức và kinh nghiệm xã thôn nhất định phải thấy Saigon là tuyệt đỉnh văn minh, tuyệt đỉnh cao sang. Còn người chú với kiến thức và kinh nghiệm quốc tế thì Saigon đối với ông ta nhất định phải là tầm thường, lạc hậu.

Trước một sự kiện, một hiện tượng, con người thường suy tư và thấy biết khác nhau. Nhưng không phải ai muốn suy tư thế nào thì suy tư đâu. Kiến thức và kinh nghiệm sẵn có luôn luôn định phương, định hướng cho tư tưởng từng người. Trong câu chuyện trên người chú có muốn suy nghĩ và thấy biết như người cháu, hay người cháu có muốn suy tư và thấy biết như người chú cũng đều không được cả.

Xưa nay ta cứ lầm tưởng rằng ta hoàn toàn tự do tư tưởng. Tư tưởng ở trong đâu ta, ta muốn nghĩ sao cũng được. Nghĩ ngang, nghĩ dọc, nghĩ méo, nghĩ tròn, nghĩ thế nào thì nghĩ. Và chẳng có một thế lực nào kiểm soát được tư tưởng của ta để đặt định giới hạn hay chiều hướng cho nó. Có chăng khi ta phát biểu tư tưởng ra bằng ngôn từ, văn tự thì

mới vấp phải giới hạn này, giới hạn nọ, hay mới phải chịu một áp lực nào đó buộc tư tưởng ta phải xuôi theo lối mòn định sẵn. Thân xác ta có thể bị giam nhốt, nhưng tư tưởng ta thì vẫn tự do như gió, như mây. Một người bị tù, bị biệt giam trong xà lim chật hẹp, tay khóa, chân cùm, nhưng tư tưởng người ấy thì vẫn cứ phóng tới, phóng lui, lãng xằng đây đó liên tục không ngừng.

Nhưng đừng thấy vậy mà vội cho rằng tư tưởng ta hoàn toàn tự do. Thật ra tư tưởng con người chỉ tự do hạn chế, một loại tự do có định hướng, định phương.

Tư tưởng ta giống như con cá lội trong dòng nước chảy xiết. Cá vẫn tưởng rằng nó hoàn toàn tự do vì nó muốn lội ngược, lội xuôi, lội tả, lội hữu, lội sao cũng được. Nhưng cá có biết đâu nó vẫn bị dòng nước kia cuốn lôi về một phương hướng nào đó mà nó không cách gì cưỡng nổi.

Kiến thức và kinh nghiệm là dòng nước chảy xiết và tư tưởng ta là cá lội trong dòng. Ta muốn suy tư gì thì suy tư nhưng cũng không thể vượt qua phạm vi, dung tích của cái kho kiến thức và kinh nghiệm sẵn có và trước sau suy tư của ta cũng nằm trong chiều hướng mà cái kho kiến thức và kinh nghiệm ấy đặt định ra. Nói khác đi, cái mà ta gọi là tự do tư tưởng thực tế chỉ là loại tự do lồng cũi.

Đúng vậy, mỗi người chúng ta đều sống trong một lồng cũ riêng biệt. Lồng cũ này tạo nên do nhiều thành tố khác nhau như: văn hóa, giáo dục, tôn giáo, ý thức hệ, phong tục, tập quán, giai cấp, địa phương, gia đình, dòng họ, bằng hữu, phe nhóm, quyền lợi, địa vị v.v... Nói ngắn lại là lồng cũ kiến thức và kinh nghiệm hay rất ráo hơn là lồng cũ thời gian, không gian vì kiến thức và kinh nghiệm thuộc về thời gian tâm lý.

Trong lồng cũ kiến thức và kinh nghiệm ấy, mọi thấy biết của ta đều bị ngăn che, xuyên tạc. Trong câu chuyện trên, chú sống trong lồng cũ của chú, cháu sống trong lồng cũ của cháu, nên chú thấy biết một đường mà cháu thấy biết một nẻo. Chú thì thấy Saigon lạc hậu, nhỏ bé, tầm thường, trong khi cháu lại thấy Saigon tân tiến và to đẹp tuyệt đỉnh. Cả hai không ai có thể đảo ngược được cái thấy biết của mình. Rất cuộc, cả chú lẫn cháu, chẳng ai thấy được cái thực tướng của Saigon cả, vì cái thấy biết ấy đã bị tư tưởng xen vào bóp méo và làm nảy sinh yêu ghét nơi mỗi người.

Giả dụ có một người từ nhỏ đến lớn sống khép kín trong nội vi thành phố Saigon, nghĩa là người ấy không có kiến thức và kinh nghiệm thôn xã như người cháu và cũng lại không có kiến thức và kinh nghiệm quốc tế như người chú, thì chắc chắn người ấy thấy được Saigon như Saigon đang là, vì cái

thấy biết của người ấy không có tư tưởng xen vào. Với người ấy, Saigon không tân tiến, to đẹp và Saigon cũng chẳng lạc hậu, nhỏ bé, tầm thường. Saigon là thế! Saigon như thị! Saigon chẳng đáng ghét mà cũng chẳng đáng yêu.

Yêu và ghét, ghét và yêu là hai luồng gió mạnh và thường xuyên thổi vào tâm ta làm cho tâm ta luôn luôn nổi sóng, chẳng mấy khi được thanh tịnh, an nhiên.

Người cháu trước kia chưa biết Saigon nên Saigon vĩ đại, to đẹp có cũng như không, chẳng ảnh hưởng gì đến tâm thái anh ta. Nhưng từ ngày nghe được những lời mô tả, ca tụng về thành phố này anh ta đã bắt đầu ước ao, mong muốn có dịp được chiêm ngưỡng, và nhất là sau chuyến đi Nam này về thì Saigon đã trở thành một nỗi ám ảnh thường xuyên trong tâm anh ta, khiến anh ta cứ thèm khát, bồn chồn, chỉ mong sao được trở lại chốn phồn hoa ấy hoài hoài.

Còn người chú nếu không có dịp chứng kiến khung cảnh nước người thì ông ta đâu có khinh khi, chán ghét Saigon. Ông ta muốn Saigon không thể như thế được, mà Saigon phải thế này, phải thế nọ cơ. Saigon phải to lớn hơn, tiện nghi hơn, hiện đại hơn. Nghĩa là ông ta luôn bản khoản muốn có một phép màu nào loại bỏ được cái thành phố Saigon cổ lỗ này và thay thế bằng một thành phố khác vĩ

đại, tân tiến như các đô thị nổi danh nước người mà ông ta đã từng đặt chân tới.

Đúng là cứ có kiến thức và kinh nghiệm là có tư tưởng. Và có tư tưởng là có ghét, có yêu. Yêu thì tìm đạt, rượt bắt. Ghét thì phế bỏ, loại trừ. Chẳng phải đợi đến lúc việc rượt bắt hay loại trừ gặp phải thất bại chua cay mới có phiền não, khổ đau và sợ hãi đau, mà ngay trong suốt quá trình rượt bắt hay loại trừ ấy cũng đã đẩy đẩy phiền não, khổ đau và sợ hãi rồi. Đúng thế, trong cũi lồng tư tưởng luôn luôn có ghét, có yêu và yêu, ghét thì lúc nào cũng gắn liền với phiền não, khổ đau và sợ hãi cả.

Tư tưởng đã chỉ có tự do hạn chế, tư tưởng đã bị định hướng, định chiều thì nói năng và hành động của con người tất cũng vậy thôi, vì tư tưởng là mẹ đẻ của nói năng và hành động. Có đôi khi suy nghĩ một đường, nói năng hành động một nẻo, nhưng cũng đừng tưởng thế là nói năng và hành động đã hoàn toàn tự do, đã thoát ly được cái khuôn khổ lồng cũi của tư tưởng đâu, chẳng qua chuyện ấy cũng lại nằm trong một sắp đặt, một mưu đồ nào đó của tư tưởng mà thôi. Nói khác đi cứ có mặt của tư tưởng thì hoặc ta không làm được gì hoặc có, thì cũng chỉ làm theo chiều hướng định sẵn, một chiều hướng vị kỷ trước sau không đổi. Đúng thế, khi con người đã suy nghĩ để hành động thì chẳng có hành động nào là tốt, là vị tha cả, mà

trái lại nhất nhất đều nhắm tới một lợi ích bản thân nào đó, hoặc gần, hoặc xa, hoặc công khai, hoặc tiềm ẩn.

Chẳng hạn một người trong thân tộc hay bằng hữu gặp cảnh khó khăn đến gõ cửa bạn, cầu xin giúp đỡ. Nếu bạn tùy theo khả năng sẵn có lập tức giúp đỡ người ấy, giúp rồi thôi, không ghi tâm, không cầu báo, thì như thế là bạn đã làm được một nghĩa cử tốt đẹp tuyệt luân, biểu lộ tình yêu thương, chân chính, đích thật nơi bạn. Nhưng nếu bạn để tư tưởng xô đến, xen vào nói hành, nói tỏi, kể lại cả cái quá trình liên hệ dài lâu trước đây, có thể có nợ nần ân oán, có thể không, thì bạn sẽ hoặc chẳng có một sự giúp đỡ lớn nhỏ nào dành cho người ấy hoặc có thì sự giúp đỡ ấy cũng chẳng còn mang tính vị tha nữa. Có oán thì đa phần là bạn sẽ quay mặt đi, làm ngơ trước những lời van nài khẩn thiết. Có ân thì bạn sẽ tính toán sao cho sự giúp đỡ chỉ ở mức tương xứng với ân đã thọ, để khỏi mang tiếng là bội nghĩa, vong ân, có hại đến danh thơm, tiếng tốt của bạn, mặc dù bạn biết rằng sự giúp đỡ ấy không tạo được điều kiện nào khả dĩ giúp người đến gõ cửa bạn có cơ vượt thoát khó khăn đang gặp, và mặc dù khả năng của bạn lúc ấy dồi dào, có thể giúp đỡ bằng năm, bằng mười như thế. Còn nếu không ân, không oán thì bạn có thể hoặc dửng dưng vì nghĩ rằng bạn chẳng có trách

nhiệm hay nghĩa vụ phải giúp đỡ, đại gì mà "gánh vàng đi đổ sông Ngô"; hoặc bạn ra tay tế khốn vì tin tưởng rằng một hành động tốt chẳng bao giờ lại mất (a good deed is never lost). Giúp người hoạn nạn, khó khăn thì sẽ có người khác giúp mình khi mình gặp cảnh không may. Gieo nhân tốt để hái quả lành thế thôi, nghĩa là một sự giúp đỡ hoàn toàn vị kỷ chứ chẳng vị tha chút nào.

Muốn được tự do hoàn toàn, đích thật và muốn giải thoát khỏi phiền não, khổ đau và sợ hãi thì chỉ có một đường là phá bỏ cũi lồng tư tưởng đã từ muôn kiếp giam hãm con người. Nói đến phá bỏ, chắc có người nghĩ đến đổ vỡ, hủy hoại, mất mát và cũng phải có quá trình, có phương tiện, phương pháp; lại cũng phải có sự giúp đỡ từ bên ngoài. Nhưng không, phá bỏ lồng cũi tư tưởng chẳng đòi hỏi bất cứ điều gì, cả đến một sự cố gắng nhỏ nhoi cũng không. Vì phá bỏ ở đây chỉ là sự chú tâm, thế thôi. Một khi chú tâm vào hiện tiền tức vào cuộc sống thì lập tức cũi lồng tư tưởng hồn nhiên biến mất và từ đó cái thấy biết của con người không còn bị ngăn che, xuyên tạc đưa đến ghét yêu mà hậu quả không tránh được lại là phiền não, khổ đau và sợ hãi khôn cùng. Và cũng từ đó mọi hành động của con người mới được tự do, tốt đẹp thật sự.

Tuy đơn giản và dễ dàng là thế, nhưng con người lại chẳng mấy ai ra tay phá vỡ cũi lồng tư

tưởng. Hình như đa số đành cam chịu cảnh giam hãm để đời đời phải cắn răng nhận lấy sự hành hạ, dày vò thường trực của phiền não, khổ đau và sợ hãi ngập tràn. Thắng hoặc có những người vì phước đức hay vì căn cơ đã tình cờ thấy biết, thân chứng cái hạnh phúc tuyệt vời của giải thoát, cái thông dong, thoải mái vô cùng của tự do đích thật, thì họa chẳng chỉ những khi vì cuộc sống, vì nghĩa vụ, trách nhiệm đóng góp vào cộng đồng lớn nhỏ của một thành viên, những con người ấy mới **chủ động chui vào lồng cũ** tư tưởng để tham gia, nhập cuộc. Khi xong thì lại lập tức **chủ động phá bỏ cũ lồng** ấy mà ra, ra để sống nhơn nhơ vô tư, vô lự trong cảnh giới Niết Bàn tại thế mà Phật Giáo gọi là Hữu Dư Niết Bàn.

Có tác giả nhắc đến thí nghiệm của một nhà tâm lý học kia. Ông ta nuôi hai con voi nhỏ bằng nhau trong một khu rừng. Một con gọi là voi A và con kia là voi B. Ông cột voi A bằng một sợi giây dài 30 thước vào một gốc cây. Còn voi B ông thả rong cho tự do đi lại trong khu rừng này. Mấy năm sau ông bắt voi B về, cũng cột bằng một sợi giây tương tự như giây cột voi A. Voi B bèn lập tức bứt giây, trở lại với rừng. còn voi A thì trước sau chẳng có phản ứng gì, mặc dù nó cũng có khả năng bứt giây như voi B vậy. Voi A vì không được may mắn thấy biết cái hạnh phúc tròn đầy của cuộc sống tự

do bên ngoài cái vòng tròn đường bán kính 30 thước ấy, nên nó cứ cam chịu tiếp tục sống khoen khoen trong chật hẹp, gò bó, một cuộc sống mà tự do chỉ đo bằng chiều dài của sợi giây cột nó.

Còn voi B thì đã được biết thế nào là cuộc sống tự do hoàn toàn trong rừng sâu với cây cao, bóng cả; với suối mát, trái thơm; với đồng cỏ xanh tươi, với vượn kêu, chim hót nên nó không thể chấp nhận một sự ràng buộc nào, một vương mắc nào.

Con người tuy không được may mắn như voi B, nghĩa là không được người ta đem thả vào rừng để được thân chứng cái hạnh phúc vô biên của giải thoát, của tự do hoàn toàn. Nhưng con người lại được các bậc đại giác nói cho hay và mô tả cho biết khu rừng ấy, khu rừng phi tư tưởng, khu rừng vô niệm, và cũng đã chỉ cho đường vào, ngõ đến. Chỉ còn việc bứt sợi giây cột nữa là xong. Và con người thì ai cũng như ai, cũng đều có khả năng bứt giây cột như voi B vậy, nhưng bứt hay không thì tùy.

Con người dĩ nhiên không nên như voi A cam sống một cuộc đời tù túng, và cũng lại không thể như voi B, cứ bứt giây để suốt năm, suốt tháng ngao du, lang bạt trong rừng, vui cùng cây cỏ, chim muông.

Vì như đã trình bày trong "LỜI NÓI ĐẦU" và trong bài 4 là con người trong cuộc sống còn có nợ

với đồng loại (nào là nợ tình thân, nào là nợ dịch vụ, áo com, nhà cửa, tiện nghi, tiện ích, thuốc men v.v...) nên con người còn có nghĩa vụ trả nợ bằng những đóng góp về mọi mặt vào xã hội, vào cộng đồng. Và trong mọi tham gia, đóng góp dưới hình thức nào đi nữa, con người lại không thể không cầu trợ đến kiến thức và kinh nghiệm tức đến tư tưởng. Thế nên con người phải chủ động, lúc cần thì sẵn sàng làm voi A, khi không, thì lại lập tức làm voi B, để vừa sống cuộc sống hài hòa với xã hội, thế gian, vừa giải thoát ngay trong cuộc sống ấy, một cuộc sống vốn xưa nay tràn đầy những ham muốn lợi, quyền, danh, sắc; những đố kỵ, trọng, khinh, yêu, ghét và những giận hờn, thù oán chất chồng. Nói khác đi, **hành ĐẠO GIẢI THOÁT là giành lại thế chủ động đã mất**, như bài trên đã nói, để mình thật sự làm chủ tư tưởng của mình, tức làm chủ thời gian tâm lý và không gian tâm lý hay gọn hơn là **làm chủ thời, không**. Vì kiến thức và kinh nghiệm, mẹ đẻ của tư tưởng, vốn do thời gian tâm lý mà có; và thời gian, không gian (vật lý cũng như tâm lý) thì lại không bao giờ lìa nhau.

Trong câu chuyện trên nếu hai chú cháu nhà kia thật sự làm chủ thời, không thì cả hai đã trực ngộ Saigon. Chú sẽ chẳng thấy Saigon lỗi thời, lạc hậu để mà xem thường, coi khinh. Cháu cũng chẳng thấy Saigon to đẹp, hiện đại để mà mơ ước, yêu

thương. Không ghét, không yêu thì làm gì mà tâm thái hai chú cháu nhà kia lại chẳng thanh tịnh, an nhiên.

Giành được quyền làm chủ rồi thì lòng cũ kia, giây cột nợ có cũng như không, vì chúng đã dứt khoát thuộc về ta, dưới quyền điều khiển của ta. Quý, ma tư tưởng dùng hòng mặc tình thao túng giam hãm ta, đưa dẫn ta vào những chốn đoạn trường tối tăm như trước đây nữa.



